

trưởng quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này và quy định mức thuế nộp cụ thể của quý IV năm 1992.

T.M. Hội đồng Nhà nước

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch

VÕ CHÍ CÔNG

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 302-HĐBT ngày 19-8-1992 về quyền và trách nhiệm của công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp, cơ quan.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật công đoàn ngày 30 tháng 6 năm 1990 và Nghị định số 133-HĐBT ngày 20 tháng 4 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn thi hành Luật công đoàn;

Sau khi thỏa thuận với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Công đoàn cơ sở trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, đơn vị

sự nghiệp, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội (gọi chung là doanh nghiệp, cơ quan) thành lập theo Điều lệ công đoàn Việt Nam đều thuộc phạm vi thi hành nghị định này.

Điều 2.- Căn cứ nhiệm vụ và tình hình cụ thể của mỗi doanh nghiệp, cơ quan, Ban chấp hành công đoàn cơ sở (dưới đây gọi tắt là công đoàn cơ sở) cùng với người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan xây dựng quy chế về mối quan hệ hợp tác giữa hai bên trong mọi hoạt động có liên quan đến quyền và trách nhiệm của công đoàn nhằm xây dựng doanh nghiệp, cơ quan, và chăm lo đời sống người lao động.

Chủ tịch công đoàn cơ sở được mời dự các hội nghị của doanh nghiệp, cơ quan bàn những vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích của người lao động. Được doanh nghiệp, cơ quan cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết về những vấn đề nói trên.

Điều 3.-

1. Công đoàn cơ sở tham gia ý kiến với người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan trong việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật quy định về nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động; chăm lo đời sống vật chất và văn hóa, thể dục, thể thao, nghỉ ngơi và du lịch cho người lao động; chăm sóc đời sống của người trước đây làm việc tại doanh nghiệp, cơ quan đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức, nghỉ vì bị tai nạn lao động hay bị bệnh nghề nghiệp.

Công đoàn cơ sở tổ chức kiểm tra, hoặc phối hợp với người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan kiểm tra việc chấp hành các chế độ, chính sách, pháp luật nói trên trong doanh nghiệp, cơ quan theo quy định tại điều 12 của Nghị định số 133-HĐBT ngày 20 tháng 4 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn thi hành Luật công đoàn (sau đây gọi tắt là nghị định số 133-HĐBT).

2. Công đoàn cơ sở đại diện cho người lao động kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hoặc Tòa án xử lý những hành vi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động hoặc tập thể lao động theo quy định của pháp luật.

Người lao động chưa gia nhập công đoàn cũng có quyền yêu cầu công đoàn cơ sở đại diện và bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình trước doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án.

3. Công đoàn cơ sở phối hợp với người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động giữa người lao động hoặc tập thể lao động với doanh nghiệp, cơ quan. Đại diện công đoàn cơ sở được tham dự và phát biểu ý kiến trong trường hợp các tranh chấp lao động nói trên được chuyển sang cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Tòa án xét xử.

4. Công đoàn cơ sở giáo dục, động viên người lao động làm tròn nghĩa vụ lao động, hoàn thành tốt chức trách được giao, thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của doanh nghiệp, cơ quan; tham gia ý kiến với doanh nghiệp, cơ quan trong việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ, tay nghề cho người lao động.

Điều 4.- Quyền và trách nhiệm của công đoàn cơ sở về an toàn lao động, vệ sinh lao động bảo vệ môi trường:

1. Căn cứ tiêu chuẩn của Nhà nước về an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, công đoàn cơ sở thỏa thuận với người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện làm việc, bảo vệ môi trường.

Công đoàn cơ sở có trách nhiệm giáo dục, động viên người lao động thực hiện phong trào bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và tổ chức mạng

lưới an toàn vệ sinh viên; tham gia ý kiến với người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan trong việc xét khen thưởng và xử lý vi phạm pháp luật về bảo hộ lao động.

2. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo hộ lao động và yêu cầu người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan thực hiện đúng pháp luật về bảo hộ lao động, bảo vệ môi trường. Khi phát hiện nơi làm việc có dấu hiệu nguy hiểm đến tính mạng người lao động, có quyền yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm an toàn lao động, kể cả việc tạm ngừng hoạt động nếu thấy cần thiết. Công đoàn cơ sở cử đại diện tham gia điều tra tai nạn lao động, và có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Tòa án xử lý người chịu trách nhiệm để xảy ra tai nạn lao động.

Điều 5.- Công đoàn cơ sở tham gia ý kiến với người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của người lao động theo quy định tại điều 14 của Nghị định số 133-HĐBT.

Người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan cùng công đoàn cơ sở giải quyết kịp thời, không để chậm quá 15 ngày những ý kiến bất đồng nảy sinh giữa tập thể lao động với người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan về những vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Trong trường hợp cần thiết, công đoàn cơ sở có thể tổ chức đối thoại giữa tập thể lao động hoặc đại biểu của tập thể lao động (nơi có từ 150 lao động trở lên) với người đứng đầu doanh nghiệp, cơ quan nhằm tìm ra biện pháp giải quyết hợp lý bảo đảm nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Hai bên phải thông báo trước cho nhau về yêu cầu, nội dung và cách thức đối thoại; sau mỗi lần đối thoại, phải công bố kết quả những vấn đề đã giải quyết, những việc cần tiếp tục xử lý để mọi người đều biết. Việc đối thoại không để ảnh hưởng đến sản xuất, công tác của doanh nghiệp, cơ quan.

II. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ.

Điều 6.- Sau khi tập thể lao động thảo luận và nhất trí nội dung thỏa ước lao động, công đoàn cơ sở đại diện người lao động ký thỏa ước lao động tập thể với người đứng đầu doanh nghiệp.

Khi người lao động yêu cầu, công đoàn cơ sở có trách nhiệm giúp người lao động ký hợp đồng lao động cá nhân với doanh nghiệp theo đúng pháp luật.

A - ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 7.- Công đoàn cơ sở phối hợp với Giám đốc doanh nghiệp tổ chức đại hội công nhân viên chức để người lao động tham gia ý kiến vào việc quản lý doanh nghiệp.

Công đoàn cơ sở tham gia ý kiến với Giám đốc doanh nghiệp trong việc quản lý sản xuất, kỹ thuật, bảo tồn giá trị và phát triển vốn của Nhà nước giao cho doanh nghiệp, đấu tranh ngăn chặn mọi hiện tượng tiêu cực; phối hợp với Giám đốc doanh nghiệp trong việc tổ chức phong trào thi đua lao động sản xuất, kinh doanh, thực hành tiết kiệm, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của doanh nghiệp theo quy định tại điều 4 của Nghị định số 133-HĐBT.

Công đoàn cơ sở và Giám đốc doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân tại doanh nghiệp theo Nghị định số 241-HĐBT ngày 5 tháng 8 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 8.- Khi giải quyết vấn đề tiền lương, tiền thưởng, nhà ở, thi hành kỷ luật đối với người lao động, Giám đốc doanh nghiệp và

công đoàn cơ sở phải thực hiện theo quy định tại điều 7 và điều 11 của Nghị định số 133-HĐBT.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi của doanh nghiệp phải theo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Công đoàn cơ sở phối hợp với Giám đốc doanh nghiệp lập kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi đưa ra đại hội công nhân viên chức thảo luận và quyết định. Trong trường hợp phải sử dụng quỹ phúc lợi để chi tiêu đột xuất (do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh), Giám đốc doanh nghiệp cùng công đoàn cơ sở quyết định và phải báo cáo lại với đại hội công nhân viên chức trong kỳ họp gần nhất.

Công đoàn cơ sở có quyền kiểm tra và đình chỉ việc sử dụng quỹ phúc lợi trái với chính sách của Nhà nước và quyết định của đại hội công nhân viên chức.

Điều 9.- Căn cứ Nghị định này, sau khi thỏa thuận với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Bộ Quốc phòng hướng dẫn cụ thể việc thi hành trong các xí nghiệp quốc phòng.

B - ĐỐI VỚI CÁC HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG, VẬN TẢI.

Điều 10.- Công đoàn cơ sở phối hợp với Ban quản trị và Ban kiểm tra của hợp tác xã tổ chức đại hội xã viên theo quy định điều lệ hợp tác xã; động viên mọi người thực hiện nghị quyết đại hội xã viên.

Điều 11.- Công đoàn cơ sở tham gia ý kiến với Ban quản trị hợp tác xã giải quyết việc làm cho người lao động, sản xuất kinh doanh có hiệu quả; tổ chức phong trào thi đua lao động sản xuất, kinh doanh, thực hành tiết kiệm; phân phối và sử dụng thu nhập theo đúng điều lệ hợp tác xã; chăm lo đời sống của người lao động; đấu tranh ngăn chặn những hiện tượng vi phạm chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 12.- Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng trong hợp tác xã có quyền đề nghị công đoàn cơ sở đại diện cho mình để giải quyết các vấn đề về lợi ích theo chính sách, pháp luật của Nhà nước và hợp đồng lao động đã ký.

C - ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN.

Điều 13.- Công đoàn cơ sở đại diện cho tập thể lao động thương lượng và ký thỏa ước lao động tập thể với chủ doanh nghiệp; giúp người lao động ký hợp đồng lao động cá nhân; có quyền giám sát và yêu cầu chủ doanh nghiệp thực hiện đúng các chế độ, chính sách, pháp luật về lao động và những vấn đề khác có liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động; có quyền kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý những vi phạm pháp luật về lao động, và các chính sách, pháp luật khác của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Khi không đồng ý với việc giải quyết của chủ doanh nghiệp và công đoàn cơ sở về những vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ và lợi ích của mình, người lao động hoặc tập thể lao động có quyền kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

Điều 14.- Khi buộc người lao động thôi việc hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn thì chủ doanh nghiệp phải thảo luận và nhất trí với công đoàn cơ sở. Trường hợp hai bên không nhất trí, hoặc người lao động không nhất trí thì chuyển đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động.

D - ĐỐI VỚI XÍ NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI.

Điều 15.- Quyền và trách nhiệm của công đoàn cơ sở trong các xí nghiệp này thực hiện

theo Quy chế lao động đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 233-HĐBT ngày 22 tháng 6 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng và thông tư số 19-LĐTBXH-TT ngày 31 tháng 12 năm 1990 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn thi hành quy chế lao động nói trên.

III. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRONG CÁC CƠ QUAN

(gồm Đơn Vị Sự Nghiệp, Cơ Quan Nhà Nước, Tổ Chức Xã Hội).

Điều 16.- Công đoàn cơ sở phối hợp với Thủ trưởng cơ quan tổ chức cho cán bộ, công nhân viên tham gia xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch công tác chuyên môn; tổ chức phong trào thi đua nhằm động viên cán bộ, công nhân viên trong cơ quan thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao và chương trình, kế hoạch công tác chuyên môn đề ra.

Điều 17.- Khi cần thiết, công đoàn cơ sở tham gia ý kiến với Thủ trưởng cơ quan trong việc cải tiến tổ chức, lề lối làm việc nhằm nâng cao hiệu suất công tác; thực hiện các chế độ chính sách, pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích của cán bộ, công nhân viên.

Thủ trưởng cơ quan và công đoàn cơ sở phải thực hiện theo quy định tại điều 7 và điều 11 của Nghị định số 133-HĐBT trong việc quyết định các vấn đề tiền lương, tiền thưởng, nhà ở, thi hành kỷ luật đối với cán bộ, công nhân viên.

Thủ trưởng cơ quan bàn với công đoàn cơ sở việc phân phối và sử dụng các nguồn thu hợp pháp có liên quan đến nghĩa vụ và lợi ích của cán bộ, công nhân viên đúng với chủ trương, chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Công đoàn cơ sở và Thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm thực hiện các quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân tại cơ quan theo Nghị định số 241-HĐBT ngày 5 tháng 8 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng.

IV - BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN CHO CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG.

Điều 18.- Doanh nghiệp, cơ quan có trách nhiệm cung cấp không thu tiền những phương tiện cần thiết cho công đoàn cơ sở hoạt động (nơi làm việc, phương tiện giao thông, liên lạc, văn phòng phẩm v.v...) phù hợp với điều kiện vật chất của mỗi doanh nghiệp, cơ quan; tạo điều kiện thuận lợi để Ban chấp hành công đoàn cơ sở và người được phân công làm công tác công đoàn hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Điều 19.- Ngoài tiền lương do công đoàn trả, cán bộ công đoàn chuyên trách vẫn được hưởng các quyền lợi về khen thưởng, nhà ở, phúc lợi khác như cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp, cơ quan.

Thời gian hoạt động công tác công đoàn của cán bộ công đoàn không chuyên trách (kể cả Chủ tịch công đoàn) và việc giải quyết cho cán bộ công đoàn cơ sở đi học, đi họp do công đoàn cấp trên triệu tập được thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 133-HĐBT.

Việc buộc thôi việc, cho thôi việc, hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn và chuyển công tác đối với ủy viên Ban chấp hành công đoàn thì phải được Ban chấp hành công đoàn cùng cấp thỏa thuận;

đối với Chủ tịch Ban chấp hành công đoàn thì phải được công đoàn cấp trên trực tiếp thỏa thuận.

Điều 20.- Việc trích nộp kinh phí công đoàn của các doanh nghiệp, cơ quan thực hiện theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng. Bộ Tài chính phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn cụ thể việc quy định này.

V - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.

Điều 21.- Các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ phối hợp với công đoàn cùng cấp để thực hiện tốt Luật công đoàn, Nghị định số 133-HĐBT và Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 303-HĐBT ngày 20-8-1992 về việc trợ cấp đối với công nhân viên chức hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang và các đối tượng hưởng chính sách xã hội.